

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH VỀ TẠM GIỮ TRONG BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

ThS. HOÀNG VĂN HẠNH *

Tạm giữ là một trong những biện pháp ngăn chặn được quy định trong luật tố tụng hình sự để các cơ quan có thẩm quyền áp dụng trong các trường hợp cần thiết. Mặc dù chế định này đã được quy định và sửa đổi nhiều lần song vẫn còn một số điều bất cập cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình hiện nay.

1. Về đối tượng tạm giữ

Theo Điều 86 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2003 thì đối tượng có thể bị áp dụng biện pháp tạm giữ là người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc đối với người bị bắt theo lệnh truy nã.

Trong trường hợp người bị bắt phạm tội quả tang nhưng sự việc phạm tội nhỏ, tính chất ít nghiêm trọng, người bị bắt có nơi cư trú rõ ràng và không có hành động, biểu hiện sẽ cản trở công việc điều tra thì sẽ không cần tạm giữ. Người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp thường phải bị tạm giữ. Người bị bắt theo lệnh truy nã chỉ bị tạm giữ khi cơ quan đã ra lệnh truy nã không thể đến ngay để nhận người bị bắt.

BLTTHS hiện hành không quy định cụ thể việc áp dụng biện pháp tạm giữ người bị bắt theo lệnh truy nã nhưng do tính chất là biện pháp ngăn chặn gắn liền với việc bắt người trong các trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang nên đối với trường hợp này, nếu đủ căn cứ và hợp pháp thì áp dụng biện pháp tạm giữ.

Trong trường hợp người phạm tội là đại biểu Quốc hội thì khi không có sự đồng ý của Quốc hội và trong thời gian Quốc hội họp, không có sự đồng ý của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì không được bắt giam, truy tố đại biểu Quốc hội. Nếu vì phạm tội quả tang mà đại biểu Quốc hội bị tạm giữ thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo để Quốc hội hoặc Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét và quyết định (Điều 55 Luật tổ chức Quốc hội).

Việc tạm giữ đối với người chưa thành niên phạm tội phải tuân theo quy định tại Điều 303 BLTTHS năm 2003:

“Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể bị tạm giữ nếu có đủ căn cứ tại Điều 86 BLTTHS năm 2003 nhưng chỉ trong những trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc đặc biệt nghiêm trọng. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị tạm giữ nếu có đủ căn cứ tại Điều 86 BLTTHS năm 2003 nhưng chỉ trong trường hợp phạm tội nghiêm trọng do cố ý, phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng”.

Tuy nhiên, người chưa thành niên phạm tội bị bắt theo quyết định truy nã có thể là người trước đây đã có lệnh bắt hoặc đã bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam thậm chí đang thi hành án phạt tù thì bỏ trốn. Họ có thể là bị can, bị cáo tại ngoại nhưng trốn tránh hoạt động điều tra, truy tố, xét xử của viện kiểm sát, toà

* Giảng viên chính Khoa luật hình sự
Trường Đại học Luật Hà Nội

án. Đối với họ, cơ quan điều tra đã tự mình hoặc theo yêu cầu của viện kiểm sát ra quyết định truy nã. Do vậy, việc tạm giữ họ không nên phụ thuộc vào loại tội mà họ thực hiện, nghĩa là nếu họ thực hiện tội ít nghiêm trọng nhưng ra tự thú, đầu thú hoặc bị bắt theo quyết định truy nã thì vẫn có thể bị tạm giữ.

Trong thực tế, tình trạng tạm giữ không đúng đối tượng còn diễn ra, tạm giữ cả những trường hợp bị bắt khi phạm tội quá tang những sự việc phạm tội nhỏ, tính chất ít nghiêm trọng hay tạm giữ cả những người bị bắt có nơi cư trú rõ ràng và không có hành động, biểu hiện sẽ cản trở việc điều tra.

2. Về thẩm quyền ra lệnh tạm giữ

Người có thẩm quyền ra lệnh tạm giữ là thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan điều tra các cấp; người chỉ huy quân đội độc lập cấp trung đoàn và tương đương, người chỉ huy đồn biên phòng ở hải đảo và biên giới; người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng; chỉ huy trưởng vùng cảng sát biển.

Như vậy, theo quy định của BLTTHS năm 2003 thì cơ quan điều tra cấp huyện trở lên có quyền ra lệnh tạm giữ. Thực hiện quy định này, khi nhận người bị bắt trong trường hợp phạm tội quá tang hoặc đang bị truy nã thì ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn phải tiến hành lập biên bản phạm tội quá tang, biên bản bắt người đang bị truy nã và giải ngay người bị bắt đến cơ quan có thẩm quyền.

Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật về thẩm quyền ra lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 BLTTHS, những người có thẩm quyền ra lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp không quy

định cho chỉ huy trưởng cảnh sát biển mà trong thẩm quyền ra quyết định tạm giữ lại quy định chỉ huy trưởng cảnh sát biển có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ trong trường hợp nào? với những đối tượng nào? thì pháp luật chưa quy định cụ thể. Chính vì vậy, về mặt lý luận cũng như trên thực tế, vẫn còn vướng mắc, cần có những sửa đổi và bổ sung cần thiết.

3. Về thời hạn tạm giữ

Thời hạn tạm giữ được quy định tại Điều 87 BLTTHS năm 2003 như sau: "*Thời hạn tạm giữ không được quá 3 ngày kể từ khi cơ quan điều tra nhận người bị bắt*".

Thời điểm tính thời hạn tạm giữ được tính từ khi cơ quan điều tra nhận người bị bắt. Thời điểm cơ quan điều tra nhận người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp tính từ khi người bị bắt được giải tới trụ sở cơ quan điều tra. Trong trường hợp bắt người phạm tội quá tang hoặc người đang bị truy nã, thời hạn tạm giữ được tính từ khi người bị bắt được cơ quan công an, viện kiểm sát hoặc ủy ban nhân giải đến cơ quan điều tra có thẩm quyền theo quy định tại Điều 82 BLTTHS.

Trong trường hợp cần thiết, sự việc xảy ra có nhiều tình tiết phức tạp, việc xác minh phải thực hiện ở nhiều địa phương khác nhau hoặc cần thời gian để làm rõ hành vi, làn rõ căn cước, lý lịch của người bị tạm giữ thì người đã ra lệnh tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ nhưng không quá 3 ngày.

Trong trường hợp đặc biệt như đối với vụ án xâm phạm an ninh quốc gia và một số vụ án hình sự khác có nhiều người tham gia, sự việc cần xác minh rất phức tạp mặc dù đã gia hạn lần thứ nhất nhưng vẫn chưa làm rõ được vụ việc thì người ra lệnh tạm giữ có thể gia hạn

lần thứ hai và cũng không được quá 3 ngày.

Mọi trường hợp gia hạn tạm giữ phải được viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn. Nếu viện kiểm sát không phê chuẩn thì cơ quan ra lệnh tạm giữ phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ sau khi hết hạn tạm giữ trước đó. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được đề nghị gia hạn và tài liệu liên quan quan đến việc gia hạn tạm giữ, viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn. Khi hết thời hạn tạm giữ mà không có đủ căn cứ khởi tố bị can thì phải trả tự do ngay cho người đã bị tạm giữ. Thời hạn tạm giữ được tính trừ vào thời hạn tạm giam.

Quy định trên về thời hạn tạm giữ hiện nay còn một số vướng mắc khi áp dụng như sau:

- *Một là*, theo quy định tại khoản 1 Điều 87 BLTTHS, thời hạn tạm giữ không được quá 3 ngày kể từ ngày cơ quan điều tra nhận người bị bắt. Có nghĩa là thời hạn tạm giữ được tính từ thời điểm cơ quan điều tra nhận người bị bắt mà theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 81 BLTTHS thì người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng mới có quyền ra lệnh bắt trong trường hợp khẩn cấp và có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ theo khoản 2 Điều 86 BLTTHS. Trong trường hợp tàu bay thì có thể về kịp thời hạn để giao cho cơ quan điều tra nhưng trong một số trường hợp tàu biển khó có thể về kịp thời hạn để giao cho cơ quan điều tra thì thời hạn tạm giữ được tính với người bị bắt như thế nào? về vấn đề này pháp luật vẫn chưa quy định cụ thể.

- *Hai là*, cũng theo quy định tại khoản 1 Điều 87 BLTTHS, thời hạn tạm giữ được tính từ khi cơ quan điều tra nhận người bị bắt mà theo quy định tại khoản 1 Điều 86 BLTTHS,

tạm giữ có thể áp dụng đối với người phạm tội tự thú hoặc đầu thú và như chúng ta đã biết, người phạm tội tự thú, đầu thú không phải là người phạm tội bị bắt mà họ tự nguyện ra trình diện, khai báo hành vi phạm tội. Họ không phải là người bị bắt. Vậy, thời hạn tạm giữ đối với họ được tính từ thời điểm nào? pháp luật chưa quy định cụ thể. Vì vậy, cần có những sửa đổi, bổ sung cần thiết.

- *Ba là*, theo khoản 1 Điều 87 BLTTHS quy định thời hạn tạm giữ không được quá 3 ngày mà theo quy định tại khoản 3 Điều 80 BLTTHS thì khi bắt bị can, bị cáo để tạm giam không được bắt người vào ban đêm trừ trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã được quy định tại Điều 81, 82 của Bộ luật này. Có nghĩa là, đối với trường hợp bắt bị can, bị cáo để tạm giam, pháp luật cũng quy định cụ thể về thời gian ngày và đêm. Còn đối với quy định thời hạn tạm giữ thì không được quá 3 ngày. Vậy, từ “ngày” trong cụm từ “3 ngày” được hiểu như thế nào? Có thể bao gồm cả ngày và đêm? Hay là chỉ là ngày tính theo thời gian là 12 giờ. Mà theo quy định khoản 2 Điều 87 BLTTHS “trong thời hạn 12 giờ...” lại quy định thời gian theo giờ, như vậy là có sự không thống nhất trong kỹ thuật lập pháp, dẫn đến những áp dụng sai trên thực tế khi hiểu sai bản chất của vấn đề. Chính vì vậy cần phải khắc phục sự không thống nhất trên.

Bốn là, khoản 2 Điều 87 BLTTHS có quy định: “Trong trường hợp đặc biệt, người ra quyết định tạm giữ lần 2 nhưng không quá 3 ngày”, vậy “trường hợp đặc biệt” trong điều luật là những trường hợp nào? mức độ cụ thể ra sao? thì pháp luật cũng chưa rõ ràng và cụ thể, có thể dẫn tới

sự áp dụng không thống nhất quy định này trong việc gia hạn tạm giữ. Mặc dù BLTTHS năm 2003 đã có những sửa đổi, bổ sung về biện pháp tạm giữ phù hợp và đầy đủ hơn so với BLTTHS năm 1988, như: Bổ sung người chỉ huy trưởng vùng cảnh sát biển có quyền ra quyết định tạm giữ; giảm thời hạn gửi quyết định tạm giữ cho viện kiểm sát từ 24 giờ xuống 12 giờ; quy định rõ về thời hạn viện kiểm sát cùng cấp phải ra quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn quyết định tạm giữ là 12 giờ; bổ sung quy định một ngày tạm giữ bằng một ngày tạm giam.

4. Nguyên nhân của những thiếu sót trong việc áp dụng biện pháp tạm giữ

Tạm giữ là những biện pháp ngăn chặn được quy định trong BLTTHS do cơ quan có thẩm quyền áp dụng nhằm buộc những người bị tạm giữ cách li khỏi xã hội trong một thời gian nhất định để ngăn chặn hành vi phạm tội, hành vi gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử. Chính vì vậy, tạm giữ là những biện pháp ngăn chặn có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, ngăn chặn hành vi phạm tội, tạo điều kiện cho cơ quan điều tra thu thập chứng cứ, tài liệu, bước đầu xác định hành vi, tính chất của hành vi phạm tội. Và dù thời hạn tạm giữ không dài như tạm giam nhưng người bị tạm giữ bị cách li khỏi xã hội một thời gian theo luật định, bị hạn chế tự do đi lại... Chính vì vậy, tất cả các vấn đề như về đối tượng, căn cứ, điều kiện áp dụng, trình tự, thủ tục, thời hạn, thẩm quyền ra lệnh cũng như chế độ đối với tạm giữ được pháp luật tổ tụng hình sự quy định khá chặt chẽ nhưng trên thực tế, do một số nguyên nhân khách quan, cũng như các nguyên nhân chủ quan

mà việc thực thi các biện pháp ngăn chặn này còn vi phạm, không những làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án hình sự mà qua đó cũng ít nhiều xâm phạm, làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của các đối tượng áp dụng vì những lí do khác nhau. Cụ thể:

- Do nhận thức của cơ quan, đơn vị và những người có trách nhiệm quyền hạn trong việc bắt, ra lệnh tạm giữ, tạm giam, người áp dụng thi hành lệnh tạm giữ, tạm giam còn có những hạn chế.

- Trình độ cán bộ công tác tạm giữ, tạm giam không đều, nhiều cán bộ công an trực tiếp làm công tác tạm giữ, tạm giam, điều tra viên không nắm vững, không đầy đủ kiến thức cần thiết, do vậy mà các quy định về tạm giữ, tạm giam không được chấp hành một cách triệt để.

- Công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại các nơi tạm giữ, tạm giam ở nhiều địa phương không được tiến hành một cách thường xuyên và đều khắp, vì vậy mà các vi phạm chưa được khắc phục kịp thời, cho nên viện kiểm sát chưa phát huy được hết vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác tạm giam.

- Điều kiện cơ sở vật chất không được đảm bảo.

- Việc theo dõi, quản lí người bị tạm giữ, tạm giam không được tiến hành thường xuyên dẫn đến tình trạng bỏ trốn, chết do đánh nhau...

- Chưa quy định hết được những đối tượng áp dụng biện pháp tạm giữ.

5. Các biện pháp khắc phục những nguyên nhân thiếu sót và hoàn thiện các quy định về tạm giữ

Xuất phát từ những vi phạm trong công tác tạm giữ, cũng như những nguyên nhân chủ yếu của những vi phạm đó và nhằm làm cho các biện pháp ngăn chặn nói chung và

biện pháp tạm giữ nói riêng phát huy tính tích cực, vai trò, ý nghĩa của nó trong việc ngăn chặn các hành vi phạm tội, giúp cho công tác điều tra được nhanh chóng, kịp thời, làm cho quá trình giải quyết các vụ án hình sự công bằng, đúng người, đúng tội. Vì vậy, có thể đưa ra các biện pháp khắc phục những nguyên nhân thiếu sót và hoàn thiện các quy định về tạm giữ, như sau:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, quy định một cách cụ thể và phù hợp hơn nữa các vấn đề như thời hạn tạm giữ, đối tượng áp dụng biện pháp này, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết vụ án hình sự. Nên sửa đổi cụm từ “3 ngày” trong khoản 1 Điều 87 BLTTHS thành “72 giờ” để hợp lý hơn hoặc cần giải thích rõ ràng khái niệm “ngày” để có sự áp dụng thống nhất.

Thứ hai, cần quy định cụ thể hướng giải quyết cụ thể hoặc bổ sung thêm quy định về cách tính thời hạn tạm giữ đối với trường hợp người có thẩm quyền ra lệnh tạm giữ là: Người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời sân bay, bến cảng mà khi tàu bay, tàu biển không thể về giao nộp người bị bắt cho cơ quan điều tra đúng thời hạn như pháp luật đã quy định.

Thứ ba, cần quy định bổ sung thẩm quyền bắt người trong trường hợp khẩn cấp là chỉ huy trưởng vùng cảnh sát biển. Theo quy định của Pháp lệnh lực lượng cảnh sát biển Việt Nam thì nhiệm vụ của cảnh sát biển là tuần tra, kiểm soát để giữ gìn an ninh, trật tự trên biển; trong trường hợp phát hiện có hành vi phạm tội quả tang thì có quyền bắt giữ người và phương tiện phạm pháp quả tang, lập biên bản và chuyển cho cơ quan có thẩm quyền. Thực tế thực hiện pháp lệnh này cho thấy,

quy định này là cần thiết, hợp lý, đáp ứng nhu cầu thực tế đấu tranh phòng chống tội phạm. Do vậy, khoản 2 Điều 86 BLTTHS năm 2003 đã bổ sung quy định chỉ huy trưởng vùng cảnh sát biển có quyền ra quyết định tạm giữ.⁽¹⁾ Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng việc bổ sung này là cần thiết nhưng chưa đủ, vì đối tượng bị tạm giữ như chúng tôi đã phân tích ở trên không chỉ là người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang mà còn là người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp và những người khác theo quy định tại Điều 48 BLTTHS. Do vậy, cần bổ sung thẩm quyền quyết định bắt người trong trường hợp khẩn cấp cho chỉ huy trưởng vùng cảnh sát biển.

Thứ tư, theo quy định tại Điều 48 BLTTHS thì người bị tạm giữ có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa cho mình nhưng BLTTHS hiện hành lại chưa quy định việc cơ quan ra quyết định tạm giữ thông báo việc tạm giữ. Vì vậy, chúng tôi đề nghị bổ sung thêm quy định: Trong hạn 12 giờ kể từ khi bị tạm giữ cơ quan ra quyết định tạm giữ phải thông báo cho gia đình người bị tạm giữ, chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị tạm giữ cư trú hoặc làm việc. Trường hợp người bị tạm giữ yêu cầu mời người bào chữa thì cơ quan ra quyết định tạm giữ phải thông báo cho người bào chữa (nếu họ mời đích danh) hoặc đoàn luật sư để giúp người bị tạm giữ mời người bào chữa.⁽²⁾

(1).Xem: Vụ công tác lập pháp, viện khoa học kiểm sát, “*Những sửa đổi cơ bản của BLTTHS năm 2003*”, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2003, tr. 36.

(2).Xem: TS. Phạm Mạnh Hùng, “*Hoàn thiện các quy định về biện pháp ngăn chặn trong BLTTHS theo yêu cầu cải cách tư pháp*”, Tạp chí kiểm sát số 21/2007, tr. 31.